TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09-6-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi văn Khanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phỉ Đính và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.
Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.
Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2022, tại Phòng xét xử, Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2022 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Mỹ L, sinh năm 1982 – có mặt.
Địa chỉ: Số X, tổ dân phố Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982 – vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).
Địa chỉ: Số Z, tổ dân phố V, phường TB, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Vũ Thị Mỹ L trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Th tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND phường TB, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/9/2013. Sau khi kết hôn được một thời gian thì giữa hai vợ chồng bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, xung đột lẫn nhau. Dần dần hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, và đã sống ly thân. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th.

Về con chung, quá trình chung sống vợ chồng bà có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Nhật L, sinh ngày 26/7/2014. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà không yêu cầu ông Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, vợ chồng bà tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 06/3/2022 của ông Nguyễn Văn Th gửi đến Tòa án ngày 09/3/2022 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà L vì hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng đã quá trầm trọng.

Về con chung: Ông đồng ý theo ý kiến của bà L.

Về cấp dưỡng nuôi con chung,về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho bà Vũ Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th; về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Vũ Nhật L, sinh ngày 26/7/2014 cho bà Vũ Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung, nợ chung, bà L và ông Th không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án*: Ngày 21/01/2022, Tòa án nhận được đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo; ngày 08/02/2022, Tòa án thông báo về quyền lựa chọn hòa giải và lựa chọn hòa giải viên; ngày 15/02/2022, nguyên đơn trình bày ý kiến từ chối hòa giải; ngày 22/02/2022 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí; ngày 24/02/2022, nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 23/9/2013 tại Ủy ban nhân dân phường TB, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn được một thời gian thì hai người phát sinh mâu thuẫn. Bà L và ông Th đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Ý kiến trình bày của bà L và ông Th đều đồng ý ly hôn.

Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà L và ông Th thì địa phương xác định: Về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L và ông Th có mâu thuẫn trong sinh hoạt, bà L và ông Th đã sống ly thân.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho bà L ly hôn ông Th là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà L và ông Th xác định có 1 người con chung là cháu Nguyễn Vũ Nhật L, sinh ngày 26/7/2014. Bà L yêu cầu khi ly hôn, được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi thành niên và được ông Th đồng ý vì hiện tại cháu L đang ở với bà L; đồng thời cũng phù hợp với ý kiến của cháu L tại bản tự khai ngày 05/4/2022. Xét thấy yêu cầu này là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Vũ Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 144; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Vũ Nhật L, sinh ngày 26/7/2014 cho bà Vũ Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Vũ Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Vũ Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Vũ Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008511 ngày 24/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Bùi Văn Khanh

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã B;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.